

DANH SÁCH PHÒNG THI SỐ 1 - KHỐI 7
NĂM HỌC 2026 - 2027

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	001	Bùi Nguyễn Phúc	An	13/12/2014	Nam	7.2	
2	002	Phùng Hoàng Gia	An	17/11/2014	Nam	7.2	
3	003	Hồ Khánh	An	07/05/2014	Nữ	7.3	
4	004	Trần Nguyễn Tâm	An	26/04/2014	Nữ	7.3	
5	005	Nguyễn Thị Hoài	An	08/05/2014	Nữ	7.8	
6	006	Trần Lê Bảo	An	01/01/2014	Nữ	7.9	
7	007	Cao Thiên	Ân	02/05/2014	Nam	7.3	
8	008	Huỳnh Quang	Anh	15/09/2014	Nam	7.1	
9	009	Phạm Việt	Anh	09/04/2014	Nam	7.2	
10	010	Phùng Lê Châu	Anh	05/04/2014	Nữ	7.2	
11	011	Lê Duy	Anh	25/09/2014	Nam	7.4	
12	012	Nguyễn Diệu	Anh	09/10/2014	Nữ	7.4	
13	013	Phan Việt	Anh	04/07/2014	Nam	7.4	
14	014	Hồ Vân	Anh	05/07/2014	Nữ	7.5	
15	015	Nguyễn Ngọc Quế	Anh	19/06/2014	Nữ	7.5	
16	016	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	20/02/2014	Nữ	7.6	
17	017	Phạm Văn	Anh	21/07/2014	Nam	7.8	
18	018	Nguyễn Mai Lan	Anh	08/07/2014	Nữ	7.9	
19	019	Võ Đức	Anh	25/07/2014	Nam	7.9	
20	020	Nguyễn Hoàng	Bách	15/07/2014	Nam	7.7	
21	021	Đoàn Ngọc	Bảo	17/09/2014	Nam	7.1	
22	022	Phan Xuân	Bảo	26/12/2014	Nam	7.2	
23	023	Lương Công Gia	Bảo	12/11/2014	Nam	7.4	
24	024	Lê Nguyễn Quốc	Bảo	07/12/2014	Nam	7.5	

Danh sách tổng cộng có 24 học sinh./.

DANH SÁCH PHÒNG THI SỐ 2 - KHỐI 7
NĂM HỌC 2026 - 2027

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	025	Nguyễn Anh Gia	Bảo	15/10/2014	Nam	7.5	
2	026	Lê Trần Gia	Bảo	27/01/2014	Nam	7.6	
3	027	Nguyễn Gia	Bảo	19/06/2014	Nam	7.9	
4	028	Phạm Gia	Chánh	05/12/2014	Nam	7.8	
5	029	Trần Nhật Bảo	Châu	02/02/2014	Nữ	7.1	
6	030	Phạm Trần Bảo	Châu	02/08/2014	Nữ	7.2	
7	031	Trần Đình Ngọc	Châu	05/05/2014	Nữ	7.2	
8	032	Trần Phước Kỳ	Châu	05/03/2014	Nữ	7.3	
9	033	Lê Ngọc Bảo	Châu	25/09/2014	Nữ	7.4	
10	034	Nguyễn Hoàng Bảo	Châu	24/10/2014	Nữ	7.4	
11	035	Trần Bảo	Châu	04/07/2014	Nam	7.4	
12	036	Trương Khanh	Châu	06/06/2014	Nam	7.4	
13	037	Ngô Hà Bảo	Châu	17/02/2014	Nữ	7.6	
14	038	Nguyễn Trần Minh	Châu	11/12/2014	Nữ	7.7	
15	039	Lê Trần Quỳnh	Chi	09/10/2014	Nữ	7.3	
16	040	Nguyễn Hoàng Diệp	Chi	08/11/2014	Nữ	7.4	
17	041	Lương Gia Mộc	Chi	31/05/2014	Nữ	7.5	
18	042	Hà Linh	Chi	27/05/2014	Nữ	7.7	
19	043	Trần Phúc	Chương	18/10/2014	Nam	7.3	
20	044	Đỗ Hoàng Linh	Đan	04/06/2014	Nữ	7.2	
21	045	Phạm Linh	Đan	14/12/2014	Nữ	7.3	
22	046	Đặng Ngô Linh	Đan	26/09/2014	Nữ	7.5	
23	047	Lương Linh	Đan	22/05/2014	Nữ	7.5	
24	048	Huỳnh Tấn	Đạt	15/08/2014	Nam	7.1	

Danh sách tổng cộng có 24 học sinh./.

DANH SÁCH PHÒNG THI SỐ 3 - KHỐI 7
NĂM HỌC 2026 - 2027

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	049	Lê Tiến	Đạt	07/10/2014	Nam	7.4	
2	050	Đỗ Thành	Đạt	09/11/2014	Nam	7.7	
3	051	Phạm Xuân Tấn	Đạt	13/11/2014	Nam	7.7	
4	052	Nguyễn Thị Hoàng	Diệp	07/07/2014	Nữ	7.2	
5	053	Huỳnh Ngọc	Diệp	02/04/2014	Nữ	7.5	
6	054	Lê Duy	Duẩn	13/08/2014	Nam	7.1	
7	055	Tạ Ngọc Nguyên	Đức	20/10/2014	Nam	7.9	
8	056	Võ Nguyễn Anh	Dũng	24/12/2014	Nam	7.4	
9	057	Phan Lê Ánh	Dương	20/09/2014	Nữ	7.5	
10	058	Lê Hoàng Minh	Duy	15/04/2014	Nam	7.6	
11	059	Lê Văn	Duy	12/01/2014	Nam	7.6	
12	060	Trương Thuý	Duyên	16/01/2014	Nữ	7.4	
13	061	Nguyễn Trần Ngọc	Duyên	01/01/2014	Nữ	7.8	
14	062	Nguyễn Hữu Hoàng	Gia	27/07/2014	Nam	7.8	
15	063	Nguyễn Tú	Giang	18/05/2014	Nữ	7.3	
16	064	Nguyễn Ngọc Hương	Giang	20/10/2014	Nữ	7.8	
17	065	Vũ Tâm	Giao	17/09/2014	Nữ	7.3	
18	066	Trần Hồng	Giáp	04/05/2014	Nam	7.9	
19	067	Huỳnh Ngọc Hải	Hà	21/06/2014	Nam	7.7	
20	068	Phạm Ngọc	Hân	04/10/2014	Nữ	7.1	
21	069	Nguyễn Hải Gia	Hân	28/08/2014	Nữ	7.2	
22	070	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	22/11/2014	Nữ	7.4	
23	071	Lê Thị Gia	Hân	12/12/2014	Nữ	7.5	
24	072	Võ Gia	Hân	10/11/2014	Nữ	7.5	

Danh sách tổng cộng có 24 học sinh./.

**DANH SÁCH PHÒNG THI SỐ 4 - KHỐI 7
NĂM HỌC 2026 - 2027**

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	073	Bùi Nguyễn Gia	Hân	01/01/2014	Nữ	7.6	
2	074	Phan Bảo	Hân	22/05/2014	Nữ	7.6	
3	075	Ngô Gia	Hân	20/11/2014	Nữ	7.7	
4	076	Đỗ Lê Gia	Hân	02/01/2014	Nữ	7.9	
5	077	Nguyễn Nhỏ	Hân	06/03/2014	Nữ	7.9	
6	078	Nguyễn Viết	Hào	30/06/2014	Nam	7.1	
7	079	Trần Phước Trọng	Hiếu	05/08/2014	Nam	7.2	
8	080	Trần Lê	Hiếu	06/05/2014	Nam	7.3	
9	081	Võ Nguyễn Duy	Hiếu	16/12/2014	Nam	7.8	
10	082	Trương Xuân	Hoàng	26/08/2014	Nam	7.3	
11	083	Ngô Trọng	Hoàng	11/10/2014	Nam	7.5	
12	084	Nguyễn Trần Gia	Hoàng	03/07/2014	Nam	7.6	
13	085	Vũ Xuân	Hoàng	16/04/2014	Nam	7.6	
14	086	Nguyễn Hồng Hải	Hoàng	04/11/2014	Nữ	7.7	
15	087	Nguyễn Văn Khải	Hoàng	27/06/2014	Nam	7.7	
16	088	Trương Minh	Huân	12/07/2014	Nam	7.6	
17	089	Lê Nguyễn Huỳnh	Hưng	02/02/2014	Nam	7.3	
18	090	Nguyễn Hải Thành	Hưng	19/08/2014	Nam	7.5	
19	091	Phạm Ngô Phú	Hưng	16/05/2014	Nam	7.7	
20	092	Nguyễn Hoàng Ngọc	Hương	01/02/2014	Nữ	7.3	
21	093	Nguyễn Gia	Huy	04/01/2014	Nam	7.1	
22	094	Trương Gia	Huy	04/03/2014	Nam	7.1	
23	095	Đỗ Gia	Huy	09/06/2014	Nam	7.2	
24	096	Nguyễn Tá	Huy	08/04/2014	Nam	7.2	

Danh sách tổng cộng có 24 học sinh./.

**DANH SÁCH PHÒNG THI SỐ 5 - KHỐI 7
NĂM HỌC 2026 - 2027**

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	097	Lương Gia	Huy	02/09/2014	Nam	7.4	
2	098	Nguyễn Quốc	Huy	24/03/2014	Nam	7.5	
3	099	Nguyễn Văn Gia	Huy	15/01/2014	Nam	7.5	
4	100	Hồ Trần Gia	Huy	25/12/2014	Nam	7.7	
5	101	Phạm Minh	Huy	12/07/2014	Nam	7.8	
6	102	Hồ Trung	Huy	04/02/2014	Nam	7.9	
7	103	Lê Phan Gia	Huy	18/02/2014	Nam	7.9	
8	104	Dương Lê Khánh	Huyền	14/05/2014	Nữ	7.5	
9	105	Nguyễn Đình Nguyên	Khang	21/05/2014	Nam	7.1	
10	106	Lý Phúc	Khang	23/01/2014	Nam	7.2	
11	107	Lê Phú	Khang	25/09/2014	Nam	7.4	
12	108	Nguyễn Đình	Khang	01/12/2014	Nam	7.6	
13	109	Phan Hồng Gia	Khang	01/11/2014	Nam	7.6	
14	110	Nguyễn Gia	Khang	08/09/2014	Nam	7.9	
15	111	Nguyễn Trương Hỷ	Khang	26/12/2014	Nam	7.9	
16	112	Hà Lê Uyên	Khanh	01/01/2014	Nữ	7.7	
17	113	Nguyễn Châu Bảo Khánh	Khánh	31/07/2014	Nữ	7.1	
18	114	Phan Minh Bảo	Khánh	14/04/2014	Nữ	7.1	
19	115	Nguyễn Huy	Khánh	13/09/2014	Nam	7.2	
20	116	Trần Huy	Khánh	26/03/2014	Nam	7.2	
21	117	Nguyễn Minh	Khánh	10/03/2014	Nam	7.3	
22	118	Nguyễn Ngọc Gia	Khánh	10/07/2014	Nữ	7.4	
23	119	Huỳnh Ngọc Lê	Khánh	28/06/2014	Nữ	7.7	
24	120	Nguyễn Hoàng Gia	Khánh	28/01/2014	Nam	7.7	

Danh sách tổng cộng có 24 học sinh./.

DANH SÁCH PHÒNG THI SỐ 6 - KHỐI 7
NĂM HỌC 2026 - 2027

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	121	Dương Bảo	Khánh	02/09/2014	Nữ	7.8	
2	122	Lê Trần Gia	Khánh	26/04/2014	Nam	7.8	
3	123	Phạm Phú	Khoa	29/03/2014	Nam	7.1	
4	124	Phùng Đăng	Khoa	21/10/2014	Nam	7.2	
5	125	Trang Đăng	Khoa	26/09/2014	Nam	7.5	
6	126	Hoàng Anh	Khoa	02/02/2014	Nam	7.6	
7	127	Phan Hồng Bảo	Khoa	01/11/2014	Nam	7.6	
8	128	Trương Văn Đăng	Khoa	19/10/2014	Nam	7.7	
9	129	Võ Công	Khoa	23/09/2014	Nam	7.7	
10	130	Lê Minh	Khoa	03/04/2014	Nam	7.8	
11	131	Nguyễn Anh	Khoa	04/06/2014	Nam	7.8	
12	132	Nguyễn Trần Anh	Khoa	07/11/2014	Nam	7.8	
13	133	Nguyễn Đăng	Khoa	07/12/2014	Nam	7.9	
14	134	Nguyễn Đức Ánh	Khoa	15/10/2014	Nam	7.9	
15	135	Phạm Anh	Khoa	06/08/2014	Nam	7.9	
16	136	Trần Đăng	Khoa	14/07/2014	Nam	7.9	
17	137	Bùi Văn Anh	Khôi	11/01/2014	Nam	7.3	
18	138	Phạm Ngọc	Khôi	09/02/2013	Nam	7.4	
19	139	Võ Như An	Khôi	16/08/2014	Nam	7.6	
20	140	Lê Hoàng	Khôi	29/10/2014	Nam	7.7	
21	141	Đặng Ngọc Minh	Khôi	03/10/2014	Nam	7.8	
22	142	Hồ Nguyên	Khôi	19/10/2014	Nam	7.9	
23	143	Nguyễn Lê Minh	Khuê	23/09/2014	Nữ	7.1	
24	144	Trần Lê Ngân	Khuê	10/01/2014	Nữ	7.2	

Danh sách tổng cộng có 24 học sinh./.

DANH SÁCH PHÒNG THI SỐ 7 - KHỐI 7
NĂM HỌC 2026 - 2027

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	145	Mai Hoàng Vi	Khuê	06/09/2014	Nữ	7.3	
2	146	Nguyễn Viết Minh	Khuê	05/01/2014	Nữ	7.6	
3	147	Trần Văn	Kiên	14/08/2014	Nam	7.6	
4	148	Nguyễn Viết Gia	Kiên	13/11/2014	Nam	7.7	
5	149	Nguyễn Đình Trung	Kiên	19/08/2014	Nam	7.8	
6	150	Ngô Tuấn	Kiệt	18/05/2014	Nam	7.1	
7	151	Vũ Nguyễn Tuấn	Kiệt	16/11/2014	Nam	7.1	
8	152	Châu Vương	Kiệt	09/02/2014	Nam	7.3	
9	153	Nguyễn Nho	Kiệt	26/08/2014	Nam	7.4	
10	154	Nguyễn Đăng	Kiệt	10/04/2013	Nam	7.5	
11	155	Đỗ Hoàng Tuấn	Kiệt	04/12/2014	Nam	7.6	
12	156	Thái Thành Tuấn	Kiệt	04/02/2014	Nam	7.8	
13	157	Trần Ngô Anh	Kiệt	21/09/2014	Nam	7.8	
14	158	Lê Tuấn	Kiệt	15/11/2014	Nam	7.9	
15	159	Nguyễn Tuấn	Kiệt	19/02/2014	Nam	7.9	
16	160	Lê Phạm Hoàng	Kim	29/12/2014	Nữ	7.3	
17	161	Nguyễn Hoàng Thiên	Kim	21/11/2014	Nữ	7.4	
18	162	Bùi Thế	Lâm	12/03/2014	Nam	7.1	
19	163	Lê Hà Thanh	Lâm	12/11/2014	Nam	7.5	
20	164	Nguyễn Phạm Gia	Lâm	29/03/2014	Nam	7.6	
21	165	Lê Trúc	Lâm	09/01/2014	Nữ	7.8	
22	166	Trần Lê Trúc	Lâm	14/01/2014	Nữ	7.8	
23	167	Phạm Nguyên	Lâm	02/11/2014	Nam	7.9	
24	168	Vương Chi	Lan	12/07/2014	Nữ	7.4	

Danh sách tổng cộng có 24 học sinh./.

**DANH SÁCH PHÒNG THI SỐ 8 - KHỐI 7
NĂM HỌC 2026 - 2027**

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	169	Nguyễn Nguyên	Lê	06/05/2014	Nữ	7.5	
2	170	Từ	Liêm	26/03/2014	Nam	7.1	
3	171	Nguyễn Tú	Linh	27/12/2014	Nữ	7.1	
4	172	Huỳnh Phương	Linh	18/07/2014	Nữ	7.2	
5	173	Ngô Ngọc	Linh	28/07/2014	Nữ	7.2	
6	174	Lý Gia	Linh	17/07/2014	Nữ	7.4	
7	175	Ngô Bảo	Linh	30/04/2014	Nữ	7.4	
8	176	Đặng Ngọc Gia	Linh	17/08/2014	Nữ	7.7	
9	177	Nguyễn Thảo	Linh	28/12/2014	Nữ	7.7	
10	178	Nguyễn Thị Thuý	Linh	26/04/2014	Nữ	7.8	
11	179	Trương Hồng Thuý	Linh	14/05/2014	Nữ	7.9	
12	180	Lê Văn Thanh	Lộc	26/04/2014	Nam	7.5	
13	181	Lê Minh Phú	Lộc	21/08/2014	Nam	7.8	
14	182	Lâm Vĩnh	Lợi	27/10/2014	Nam	7.7	
15	183	Lê Bảo	Long	05/06/2014	Nam	7.3	
16	184	Lê Công Giác	Long	18/03/2014	Nam	7.6	
17	185	Lê Nhật	Long	18/10/2014	Nam	7.7	
18	186	Cao Quang	Minh	02/10/2014	Nam	7.1	
19	187	Trần Ngọc Khải	Minh	11/05/2014	Nam	7.1	
20	188	Nguyễn Hoàng	Minh	30/04/2014	Nam	7.3	
21	189	Ngô Ngọc Bảo	Minh	26/04/2014	Nữ	7.7	
22	190	Nguyễn Ngọc	Minh	15/11/2014	Nữ	7.7	
23	191	Phan Gia Khả	My	18/07/2014	Nữ	7.5	
24	192	Nguyễn Lê Khánh	My	28/05/2014	Nữ	7.8	

Danh sách tổng cộng có 24 học sinh./.

TRƯỜNG THCS KIM ĐỒNG

DANH SÁCH PHÒNG THI SỐ 9 - KHỐI 7
NĂM HỌC 2026 - 2027

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	193	Nguyễn Kỳ	Nam	26/05/2014	Nam	7.4	
2	194	Nguyễn Văn Bảo	Nam	15/08/2014	Nam	7.5	
3	195	Trương Đình Bảo	Nam	13/07/2014	Nam	7.5	
4	196	Quảng Hoàng	Nam	23/03/2014	Nam	7.6	
5	197	Đoàn Nguyên Bảo	Ngân	27/02/2014	Nữ	7.4	
6	198	Phan Kim	Ngân	29/03/2014	Nữ	7.4	
7	199	Võ Minh	Ngân	29/06/2014	Nữ	7.4	
8	200	Hà Bảo	Ngân	30/03/2014	Nữ	7.5	
9	201	Nguyễn Khánh	Ngân	02/10/2014	Nữ	7.5	
10	202	Trương Hà Bảo	Ngân	06/01/2014	Nữ	7.6	
11	203	Nguyễn Hoàng	Ngân	15/07/2014	Nữ	7.7	
12	204	Trần Hồ Ngọc	Ngân	30/05/2014	Nữ	7.7	
13	205	Đào Lê Kim	Ngân	22/08/2014	Nữ	7.9	
14	206	Lý Bảo	Nghi	31/01/2014	Nữ	7.2	
15	207	Nguyễn Huỳnh Thảo	Nghi	31/01/2014	Nữ	7.3	
16	208	Trần Gia	Nghi	02/03/2014	Nữ	7.3	
17	209	Phan Hoàng	Nghi	23/11/2014	Nữ	7.9	
18	210	Nguyễn Trọng	Nghĩa	08/10/2014	Nam	7.1	
19	211	Lê Dương Bảo	Ngọc	04/06/2014	Nữ	7.1	
20	212	Phạm Minh	Ngọc	15/07/2014	Nữ	7.1	
21	213	Trần Bảo	Ngọc	27/09/2014	Nữ	7.1	
22	214	Đỗ Khánh	Ngọc	28/07/2014	Nữ	7.2	
23	215	Hồ Huỳnh Thanh	Ngọc	12/03/2014	Nữ	7.2	
24	216	Huỳnh Bảo	Ngọc	12/10/2014	Nữ	7.2	

Danh sách tổng cộng có 24 học sinh./.

DANH SÁCH PHÒNG THI SỐ 10 - KHỐI 7
NĂM HỌC 2026 - 2027

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	217	Nguyễn Lê Bích	Ngọc	10/12/2014	Nữ	7.2	
2	218	Trương Minh	Ngọc	20/10/2014	Nữ	7.2	
3	219	Từ Thanh Bảo	Ngọc	11/05/2014	Nữ	7.2	
4	220	Huỳnh Kim Bảo	Ngọc	22/10/2014	Nữ	7.4	
5	221	Đỗ Hoàng Bảo	Ngọc	23/04/2014	Nữ	7.5	
6	222	Lê Hoàng Bảo	Ngọc	06/06/2014	Nữ	7.7	
7	223	Trần Thị Bảo	Ngọc	04/11/2014	Nữ	7.7	
8	224	Ngô Lý Bảo	Ngọc	01/01/2014	Nữ	7.8	
9	225	Lưu Bảo	Ngọc	28/12/2014	Nữ	7.9	
10	226	Lê Thị Bảo	Nguyên	30/06/2014	Nữ	7.2	
11	227	Phạm Mộc Thảo	Nguyên	02/03/2014	Nữ	7.2	
12	228	Lê Hoàng Thảo	Nguyên	13/02/2014	Nữ	7.3	
13	229	Trần Duy Bảo	Nguyên	24/12/2014	Nam	7.4	
14	230	Lê Doãn	Nguyên	11/11/2014	Nam	7.5	
15	231	Đặng Công Bảo	Nguyên	26/02/2014	Nam	7.9	
16	232	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	30/11/2014	Nữ	7.8	
17	233	Võ Hoàng Minh	Nguyệt	09/04/2014	Nữ	7.8	
18	234	Lê An	Nhã	23/10/2014	Nữ	7.2	
19	235	Nguyễn Công Thành	Nhân	25/09/2014	Nam	7.5	
20	236	Đỗ Minh	Nhật	14/07/2014	Nam	7.1	
21	237	Võ Mai An	Nhi	20/09/2014	Nữ	7.1	
22	238	Lê Trương Thảo	Nhi	07/10/2014	Nữ	7.3	
23	239	Nguyễn Lê Yến	Nhi	08/02/2014	Nữ	7.5	
24	240	Lê Hoàng	Nhi	11/02/2014	Nữ	7.6	

Danh sách tổng cộng có 24 học sinh./.

**DANH SÁCH PHÒNG THI SỐ 11 - KHỐI 7
NĂM HỌC 2026 - 2027**

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	241	Trương Thảo	Nhi	29/06/2014	Nữ	7.6	
2	242	Đặng Thảo	Nhi	14/05/2014	Nữ	7.9	
3	243	Lê Uyên	Nhi	20/01/2014	Nữ	7.9	
4	244	Nguyễn Lê Uyên	Nhi	04/06/2014	Nữ	7.9	
5	245	Trần Quỳnh Thảo	Nhi	13/08/2014	Nữ	7.9	
6	246	Nguyễn An	Nhiên	07/10/2014	Nữ	7.1	
7	247	Lê Hạo	Nhiên	29/09/2014	Nam	7.3	
8	248	Phạm Phú Hà	Như	15/10/2014	Nữ	7.2	
9	249	Nguyễn Hoàng Bảo	Như	18/04/2014	Nữ	7.6	
10	250	Nguyễn Thảo	Như	14/06/2014	Nữ	7.8	
11	251	Huỳnh Thị Kim	Nhung	09/09/2014	Nữ	7.6	
12	252	Lê Huy	Phát	10/05/2014	Nam	7.1	
13	253	Trần Đình	Phong	30/07/2014	Nam	7.4	
14	254	Phạm Hoàng	Phong	23/08/2014	Nam	7.5	
15	255	Nguyễn Hữu Thiên	Phú	01/04/2014	Nam	7.4	
16	256	Thái Nguyên	Phúc	13/10/2014	Nữ	7.2	
17	257	Trần Lê Duy	Phúc	22/01/2014	Nam	7.5	
18	258	Huỳnh Gia	Phúc	29/09/2014	Nữ	7.6	
19	259	Phan Tấn	Phúc	26/03/2014	Nam	7.6	
20	260	Võ Nguyên	Phúc	06/03/2014	Nam	7.9	
21	261	Nguyễn Đức	Phước	11/01/2014	Nam	7.1	
22	262	Hồ Uyên	Phương	10/01/2014	Nữ	7.1	
23	263	Phạm Nhã	Phương	05/11/2014	Nữ	7.6	

Danh sách tổng cộng có 23 học sinh./.

**DANH SÁCH PHÒNG THI SỐ 12 - KHỐI 7
NĂM HỌC 2026 - 2027**

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	264	Nguyễn Đức Đông	Quân	24/04/2014	Nam	7.4	
2	265	Trang Minh	Quân	20/10/2014	Nam	7.6	
3	266	Nguyễn Minh	Quân	08/11/2014	Nam	7.8	
4	267	Đặng Nhật	Quang	10/05/2014	Nam	7.1	
5	268	Trần Thục	Quyên	18/09/2014	Nữ	7.1	
6	269	Lê Vũ Phương	Quyên	19/05/2014	Nữ	7.5	
7	270	Nguyễn Như Bảo	Quyên	08/11/2014	Nữ	7.7	
8	271	Nguyễn Bùi Thục	Quyên	15/10/2014	Nữ	7.9	
9	272	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	28/12/2014	Nữ	7.2	
10	273	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	15/10/2014	Nữ	7.3	
11	274	Võ Ngân	Quỳnh	05/04/2014	Nữ	7.3	
12	275	Mai Hoàng	Sam	01/10/2014	Nam	7.8	
13	276	Dương Tấn	Sang	18/03/2014	Nam	7.5	
14	277	Nguyễn Trần Nguyên	Sương	18/10/2014	Nữ	7.7	
15	278	Võ Phạm Quỳnh	Tâm	10/08/2014	Nữ	7.2	
16	279	Phùng Ngọc	Tâm	02/04/2014	Nam	7.3	
17	280	Huỳnh Tấn	Thạch	27/11/2014	Nam	7.7	
18	281	Tạ Hồ Đan	Thanh	13/04/2014	Nữ	7.4	
19	282	Trần Hoàng Phương	Thảo	05/10/2014	Nữ	7.3	
20	283	Trương Mai	Thảo	14/03/2014	Nữ	7.7	
21	284	Nguyễn Lê Khánh	Thi	13/07/2014	Nữ	7.2	
22	285	Võ Nhật	Thiên	23/03/2014	Nam	7.6	
23	286	Nguyễn Hữu	Thiện	14/04/2014	Nam	7.7	

Danh sách tổng cộng có 23 học sinh./.

DANH SÁCH PHÒNG THI SỐ 13 - KHỐI 7
NĂM HỌC 2026 - 2027

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	287	Lê Công	Thịnh	13/08/2014	Nam	7.4	
2	288	Phan Trần Quốc	Thịnh	17/03/2014	Nam	7.4	
3	289	Phan Hữu	Thịnh	24/06/2014	Nam	7.5	
4	290	Nguyễn Việt	Thịnh	12/12/2014	Nam	7.7	
5	291	Nguyễn Quang	Thịnh	13/03/2014	Nam	7.8	
6	292	Phan Minh Phúc	Thịnh	28/04/2014	Nam	7.8	
7	293	Võ Phúc	Thịnh	13/02/2014	Nam	7.9	
8	294	Nguyễn Trần Kỳ	Thư	08/03/2014	Nữ	7.4	
9	295	Lưu Anh	Thư	26/10/2014	Nữ	7.7	
10	296	Lê Thị Anh	Thư	26/10/2014	Nữ	7.8	
11	297	Nguyễn Nguyên Thanh	Thư	21/01/2014	Nữ	7.9	
12	298	Trần Nguyễn Anh	Thư	20/10/2014	Nữ	7.9	
13	299	Lê Ngọc Bảo	Thuyên	12/02/2014	Nữ	7.3	
14	300	Trần Nguyễn Anh	Thy	10/11/2014	Nữ	7.3	
15	301	Trần Minh Anh	Thy	02/11/2014	Nữ	7.4	
16	302	Đặng Trần Bảo	Thy	27/05/2014	Nữ	7.6	
17	303	Phạm Ngọc Kha	Thy	30/07/2014	Nữ	7.8	
18	304	Nguyễn Trương Khánh	Thy	17/03/2014	Nữ	7.9	
19	305	Hồ Bảo	Tiên	01/04/2014	Nữ	7.3	
20	306	Nguyễn Ngọc Cát	Tiên	22/04/2014	Nữ	7.3	
21	307	Nguyễn Thanh	Tiến	30/08/2014	Nam	7.2	
22	308	Lâm Quốc	Tiến	16/09/2014	Nam	7.3	
23	309	Nguyễn Thị Ngọc	Trà	29/09/2014	Nữ	7.8	

Danh sách tổng cộng có 23 học sinh./.

**DANH SÁCH PHÒNG THI SỐ 14 - KHỐI 7
NĂM HỌC 2026 - 2027**

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	310	Nguyễn Lê Huyền	Trâm	15/10/2014	Nữ	7.1	
2	311	Kiều Bảo	Trâm	01/01/2014	Nữ	7.3	
3	312	Nguyễn Lê Bảo	Trâm	16/09/2014	Nữ	7.6	
4	313	Lê Ngọc Bảo	Trâm	24/06/2014	Nữ	7.8	
5	314	Võ Lê Huyền	Trâm	11/08/2014	Nữ	7.9	
6	315	Đinh Huỳnh Bảo	Trân	14/03/2014	Nữ	7.3	
7	316	Đinh Lê Bảo	Trân	28/05/2014	Nữ	7.3	
8	317	Lê Trần Bảo	Trân	20/11/2014	Nữ	7.3	
9	318	Lê Huyền	Trân	25/06/2014	Nữ	7.5	
10	319	Nhung Hoàn Bảo	Trân	01/09/2014	Nữ	7.8	
11	320	Vũ Bảo	Trân	27/02/2014	Nữ	7.8	
12	321	Võ Nhật Huyền	Trân	16/05/2014	Nữ	7.9	
13	322	Nguyễn Lâm	Trí	06/02/2014	Nam	7.9	
14	323	Nguyễn Phú	Triết	07/07/2014	Nam	7.2	
15	324	Nguyễn Trí	Triết	07/07/2014	Nam	7.2	
16	325	Nguyễn Hoàng	Triều	13/12/2014	Nam	7.6	
17	326	Hà Thị Thu	Trinh	20/01/2014	Nữ	7.6	
18	327	Trần Thị Thanh	Trúc	29/04/2014	Nữ	7.6	
19	328	Đỗ Nhật	Trường	23/12/2014	Nam	7.5	
20	329	Lương Anh	Tuấn	12/02/2014	Nam	7.1	
21	330	Phan Nguyên	Tuấn	21/10/2014	Nam	7.1	
22	331	Lâm Huy	Tuấn	24/11/2014	Nam	7.4	
23	332	Trần Phước Anh	Tuấn	19/07/2014	Nam	7.7	

Danh sách tổng cộng có 23 học sinh./.

DANH SÁCH PHÒNG THI SỐ 15 - KHỐI 7
NĂM HỌC 2026 - 2027

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	333	Từ Huy	Tùng	19/09/2014	Nam	7.1	
2	334	Nguyễn Phạm Cát	Uy	28/07/2014	Nam	7.3	
3	335	Trần Trung Thiên	Uy	18/09/2014	Nam	7.4	
4	336	Trần Thục	Uyên	11/06/2014	Nữ	7.1	
5	337	Ngô Nhã	Uyên	21/04/2014	Nữ	7.2	
6	338	Ngô Lam	Uyên	17/08/2014	Nữ	7.3	
7	339	Ngô Nhã	Uyên	31/01/2014	Nữ	7.4	
8	340	Đỗ Thảo	Uyên	25/12/2014	Nữ	7.5	
9	341	Hứa Cẩm	Uyên	25/02/2014	Nữ	7.5	
10	342	Lê Nguyễn Phương	Uyên	02/04/2014	Nữ	7.6	
11	343	Lê Nhã	Uyên	27/01/2014	Nữ	7.8	
12	344	Trần Khả	Uyên	14/06/2014	Nữ	7.8	
13	345	Trần Bảo	Uyên	06/09/2014	Nữ	7.9	
14	346	Nguyễn Thị Huyền	Viên	02/11/2014	Nữ	7.6	
15	347	Lê Hoàng	Việt	12/10/2014	Nam	7.1	
16	348	Phan Công	Vinh	07/05/2014	Nam	7.4	
17	349	Nguyễn Trần Anh	Vũ	23/11/2014	Nam	7.7	
18	350	Nguyễn Đức Anh	Vương	01/10/2014	Nam	7.5	
19	351	Hà Trần Hoàng	Vy	31/03/2014	Nữ	7.1	
20	352	Lê Nữ Tường	Vy	16/06/2014	Nữ	7.6	
21	353	Nguyễn Vũ Phương	Vy	12/08/2014	Nữ	7.7	
22	354	Nguyễn Lâm Hoàng	Yến	13/10/2014	Nữ	7.7	
23	355	Lưu Hoàng	Yến	05/12/2014	Nữ	7.8	

Danh sách tổng cộng có 23 học sinh./.